

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng

Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 101/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng¹.

¹ Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng”.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến mở, đóng, quản lý sân bay chuyên dùng tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sân bay chuyên dùng là khu vực được xác định trên mặt đất, dải mặt nước, công trình nhân tạo sử dụng cho tàu bay, thủy phi cơ, trực thăng hoạt động để phục vụ mục đích khai thác hàng không chung hoặc mục đích vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi mà không phải vận chuyển công cộng.

2. Tàu bay chuyên dùng là các loại trực thăng, thủy phi cơ, tàu bay cánh bằng loại nhỏ, tàu bay không người lái sử dụng đường băng bằng vật liệu hoặc đất, mặt nước.

3. Bãi cất, hạ cánh là khu vực được chuẩn bị sẵn trên mặt đất, mặt nước hoặc công trình nhân tạo để bảo đảm cho tàu bay chuyên dùng cất, hạ cánh.

4. Đường cất, hạ cánh là khu vực được quy định trong sân bay, dải mặt nước dùng cho tàu bay cất và hạ cánh.

5. Đường lăn là đường nối các thành phần khu bay, sử dụng cho tàu bay di chuyển bằng cách tự lăn, tự bơi hoặc kéo dắt.

6. Sân đỗ tàu bay là khu vực được xác định trong sân bay, trên mặt đất, mặt nước, trên các công trình nhân tạo dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; phục vụ kỹ thuật hoặc làm công tác chuẩn bị cho chuyến bay tiếp theo.

7. Khu bay bao gồm dải bay và các sân đỗ bảo đảm cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn.

8. Dải bay là thành phần chính của khu bay, gồm đường cất, hạ cánh vật liệu hoặc đường cát, hạ cánh đất hoặc là khu vực mặt nước trên biển, sông, hồ được xác định tọa độ và ranh giới cho tàu bay, thủy phi cơ cất, hạ cánh di chuyển; các dải bảo hiểm đầu và dải bảo hiểm sườn.

9. Điểm quy chiếu sân bay chuyên dùng là điểm quy ước xác định vị trí của sân bay, theo hệ tọa độ VN2000 hoặc WGS-84 (kinh độ, vĩ độ, phút, giây).

10. Kết cấu hạ tầng sân bay chuyên dùng, bao gồm: Có thể đầy đủ hệ thống đường cát, hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, bãi đỗ, dải mặt nước phục vụ tàu bay cất, hạ cánh; lề, dải bảo hiểm và các công trình, khu phụ trợ khác của sân bay; hàng rào, phao phân định ranh giới, đường giao thông sân bay; các công trình nhà ga, nhà kho, đài chỉ huy và các cơ sở đài, trạm, xưởng phục vụ hoạt động bay; hạ tầng cung cấp nhiên liệu, cấp điện, cấp và thoát nước, phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ tại sân bay.

11. Vùng phụ cận sân bay chuyên dùng là vùng đất đai xung quanh sân bay hoặc dải mặt nước, công trình nhân tạo trong đó được quy định về độ cao chướng ngại vật hàng không để bảo đảm an toàn.

12. Tĩnh không sân bay chuyên dùng là phần không gian an toàn xung quanh sân bay để tàu bay thực hiện giai đoạn cất cánh, lên cao, hạ thấp độ cao, hạ cánh và bay theo các đường bay.

13. Mức cao sân bay chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh là cao độ của điểm cao nhất của đường cát, hạ cánh, bãi đỗ so với mực nước biển trung bình.

14. Cốt xây dựng là cao độ xây dựng tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ được chọn phù hợp với cao độ so với mực nước biển trung bình.

15. Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng là tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng hoặc mua lại, hoặc được giao tài sản gắn liền với mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo để xây dựng, quản lý, khai thác sân bay chuyên dùng.

16. Người khai thác sân bay chuyên dùng là tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận mở, đóng sân bay chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh.

17. Đơn vị tư vấn là đơn vị có đủ điều kiện năng lực phù hợp với việc thực hiện công tác thiết kế, kiểm định, thí nghiệm, quản lý dự án, giám sát thi công và công việc tư vấn khác có liên quan đến sân bay chuyên dùng.

18. Văn bản chấp thuận mở, đóng sân bay chuyên dùng là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu sân bay chuyên dùng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, mở, đóng sân bay chuyên dùng.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản mở, đóng sân bay chuyên dùng

1. Bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia với lợi ích cộng đồng, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, chủ quyền và phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

2. Phát triển hệ thống sân bay chuyên dùng phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, vùng, địa phương.

3. Bảo đảm an ninh, an toàn hàng không; trật tự an toàn xã hội; nhiệm vụ

quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội; bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến cộng đồng; bảo đảm đồng bộ, an toàn, an ninh về mặt không gian kiến trúc, hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

4. Tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác sân bay chuyên dùng và khi tổ chức hoạt động hàng không theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả trong quản lý nhà nước giữa cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng với Bộ Xây dựng², địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân trong mở, đóng sân bay chuyên dùng, quản lý hoạt động, bảo đảm an ninh, an toàn và dự báo, thông báo bay.

6. Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận áp dụng đối với sân bay chuyên dùng.

Điều 5. Phân loại sân bay chuyên dùng

Theo đặc tính cấu trúc và vị trí, sân bay chuyên dùng được phân thành:

1. Sân bay chuyên dùng trên mặt đất;
2. Sân bay chuyên dùng trên mặt nước;
3. Bãi cất, hạ cánh trên mặt đất;
4. Bãi cất, hạ cánh trên mặt nước;
5. Bãi cất, hạ cánh trên các công trình nhân tạo bao gồm: Tòa nhà, boong tàu, nhà giàn, giàn khoan dầu khí.

Chương II QUẢN LÝ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG

Điều 6. Quản lý xây dựng sân bay chuyên dùng

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt vị trí xây dựng sân bay chuyên dùng sau khi lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng sân bay chuyên dùng³.

² Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

³ Cụm từ “và thống nhất với Bộ Giao thông vận tải” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

2.⁴ Tổng Tham mưu trưởng quyết định phê duyệt thiết kế chi tiết xây dựng sân bay chuyên dùng.

3. Các ngành, địa phương khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng đến sân bay chuyên dùng, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng và Bộ Xây dựng⁵ về việc ảnh hưởng của chướng ngại vật hàng không.

Điều 7. Nội dung phê duyệt vị trí sân bay chuyên dùng

1. Xác định luận cứ, cơ sở hình thành, yêu cầu về hoạt động của sân bay chuyên dùng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Xác định vị trí đối với sân bay chuyên dùng bao gồm: Loại hình, vai trò, vị trí, quy mô; dự báo các đường bay dự kiến khai thác; nhu cầu sử dụng đất, mặt nước; ước toán chi phí đầu tư.

3. Tỷ lệ bản vẽ vị trí sân bay chuyên dùng là 1/2000.

Điều 8. Nội dung phê duyệt thiết kế xây dựng sân bay chuyên dùng

1. Nhu cầu sử dụng đất, khu vực mặt nước, mặt bằng công trình nhân tạo để làm sân bay chuyên dùng.

2. Vị trí, tọa độ địa lý của sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước, bố trí hệ thống các công trình phụ trợ của sân bay chuyên dùng.

3. Xác định hướng CHC của sân bay chuyên dùng, thiết bị dẫn đường, chỉ huy bay.

4. Xác định sơ đồ bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không theo quy định.

5. Hệ thống đường giao thông nội bộ trong sân bay, tuyến đường kết nối với sân bay chuyên dùng.

6. Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, cảnh báo hàng không (nếu có).

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

⁵ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

7. Phương thức CHC cho loại máy bay sử dụng.
8. Tổng khái toán đầu tư và thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.
9. Tỷ lệ bản vẽ chi tiết sân bay chuyên dùng là 1/500.

Điều 9. Quản lý mốc và ranh giới sân bay chuyên dùng

Chủ sở hữu sân bay có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan của Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý, bảo vệ mốc giới và ranh giới sân bay chuyên dùng; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề xảy ra bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn hàng không.

Chương III MỞ, ĐÓNG SÂN BAY CHUYÊN DÙNG

Điều 10. Điều kiện mở, đóng sân bay chuyên dùng

1.⁶ Điều kiện mở sân bay chuyên dùng:

- a) Phục vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế, xã hội;
- b) Phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý tỉnh không, quản lý đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khu vực mặt nước, mặt biển, quản lý vùng trời, khu cấm bay, khu hạn chế bay;
- c) Chủ sở hữu sân bay đã được cấp giấy chứng nhận và giấy đăng ký khai thác sân bay chuyên dùng đối với sân bay đề nghị mở phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại.

2. Đóng sân bay chuyên dùng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Hoạt động của sân bay chuyên dùng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia; ảnh hưởng đến an toàn, an ninh hàng không, môi trường và có hoạt động trái pháp luật khác;
- b) Sân bay chuyên dùng hết thời hạn sử dụng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn, gây sự cố công trình ảnh hưởng đến an toàn bay;
- c) Sân bay chuyên dùng không còn phù hợp với quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch vùng, ngành, địa phương; ảnh hưởng đến ranh giới, định hướng phát triển không gian, phá vỡ hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật;
- d) Xây dựng sân bay chuyên dùng không đúng thiết kế chi tiết xây dựng hoặc không tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình được lựa chọn;

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

đ) Do yêu cầu cấp thiết cho việc khai thác, sử dụng đất đai, khu vực mặt nước để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và phát triển không gian đô thị; xây dựng các trung tâm kinh tế, chính trị theo quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương hoặc đã có sân bay khác thay thế vì mang lại giá trị cao hơn về mặt quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội; hoặc sử dụng sân bay chuyên dùng sai mục đích, ảnh hưởng đến các hoạt động hợp pháp của khu vực công cộng và khu vực chung;

e) Theo yêu cầu của Chủ sở hữu sân bay.

3. Đóng tạm thời sân bay chuyên dùng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội hoặc sự cố đột xuất ảnh hưởng đến an toàn bay, an ninh hàng không theo quy định của pháp luật;

b) Hoạt động nâng cấp, mở rộng, sửa chữa sân bay chuyên dùng có khả năng gây mất an toàn bay;

c) Chủ sở hữu, người khai thác sân bay chuyên dùng vi phạm quy định liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia, phải dừng hoạt động bay để điều tra;

d) Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, tai nạn tàu bay và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn bay, an ninh hàng không;

đ) Không có hoạt động bay trong vòng 6 tháng liên tục;

e) Theo yêu cầu của Chủ sở hữu sân bay.

4. Sân bay chuyên dùng được mở lại sau khi các lý do quy định tại khoản 3 Điều này đã chấm dứt.

Điều 11. Trình tự, thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước⁷

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản vẽ tổng mặt bằng sân bay, mặt bằng chi tiết khu bay; trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu sân bay, kích thước, hướng cơ bản của đường cất, hạ cánh, đường lăn, sân đỗ máy bay và các công trình khác của hạ tầng sân bay; ranh giới khu đất xây dựng sân bay;

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

c) Thuyết minh mô tả phương án quản lý, khai thác, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, tổ chức điều hành bay, hiệp đồng thông báo bay.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết đề nghị:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước;

Trường hợp, hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở sân bay chuyên dùng;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Điều 12. Trình tự, thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước

1. Chủ sở hữu sân bay đề nghị đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước có đơn đề nghị theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này.

2.⁸ Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu sân bay hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu sân bay, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3. Khi hoạt động của sân bay vi phạm một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ của khoản 2 Điều 10; Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng sân bay chuyên dùng, bãi CHC và có văn bản thông báo gửi Bộ Xây dựng⁹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 13. Trình tự, thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo¹⁰

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành theo Nghị định này;

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

⁹ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

b) Các bản vẽ mặt bằng vị trí bãi cát, hạ cánh; tổng mặt bằng khu đất, công trình nhân tạo; mặt bằng chi tiết bãi cát, hạ cánh, trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu, kích thước cơ bản của bãi cát, hạ cánh; vị trí bãi cát, hạ cánh trên công trình nhân tạo; hướng cát, hạ cánh cơ bản; đối với bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, bản vẽ sơ đồ ranh giới khu đất, mặt nước xây dựng.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, trường hợp có ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc có liên quan đến quy hoạch vùng, địa phương thì Cục Tác chiến báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu; Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở bãi cát hạ cánh;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Điều 14. Trình tự, thủ tục đóng bãi CHC trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

1. Chủ sở hữu đề nghị đóng bãi CHC có đơn đề nghị theo Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này.

2.¹¹ Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3. Khi hoạt động của bãi CHC vi phạm một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ của khoản 2 Điều 10; Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi CHC và có văn bản thông báo gửi Bộ Xây dựng¹² và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 15. Trình tự, thủ tục mở bãi cát hạ cánh trên boong tàu

1.¹³ Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở bãi cát hạ cánh theo Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này;

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

¹² Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

b) Các bản vẽ mặt cắt dọc, cắt ngang thể hiện chiều cao các hệ thống, thiết bị trên boong tàu, mặt bằng và kích thước của mặt boong, kích thước bãi cất hạ cánh trên boong tàu và các bộ phận liên kề, tiếp giáp.

2.¹⁴ Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cất, hạ cánh trên boong tàu gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cất, hạ cánh;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cất, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở bãi cất hạ cánh và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đóng bãi CHC trên boong tàu

1. Chủ sở hữu đề nghị đóng bãi CHC có đơn đề nghị theo Mẫu số 06 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

2.¹⁵ Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu bãi cất, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu bãi cất, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cất, hạ cánh, sau khi có văn bản thống nhất với Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3. Khi hoạt động của bãi cất, hạ cánh vi phạm một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ của khoản 2 Điều 10; Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cất, hạ cánh và thông báo với Bộ Xây dựng¹⁶, chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 17. Trình tự, thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng

1. Chủ sở hữu sân bay đề nghị đóng tạm thời sân bay chuyên dùng có đơn đề nghị theo Mẫu số 07 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này.

2.¹⁷ Trình tự, thủ tục giải quyết:

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

¹⁶ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

a) Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu sân bay chuyên dùng hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng tạm thời sân bay chuyên dùng sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu sân bay và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Điều 18. Trình tự, thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng theo Mẫu 08 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này;

b) Hồ sơ tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép đóng tạm thời sân bay chuyên dùng.

2.¹⁸ Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước;

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định chấp thuận mở lại sân bay chuyên dùng;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Điều 19. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị mở, đóng, mở lại sân bay chuyên dùng

Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 20. Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng¹⁹, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan để thống nhất việc quản lý và tổ chức khai thác sân bay chuyên dùng phù hợp với các quy hoạch tổng thể như bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế, xã hội, vùng, ngành, địa phương và xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ, các khu kinh tế - quốc phòng.

2. Tổ chức quản lý hệ thống thông tin về sân bay chuyên dùng, quy định chức trách, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh; quản lý việc mở, đóng, mở lại các sân bay chuyên dùng.

¹⁹ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

3. Chủ trì theo dõi, đôn đốc và phối hợp với các bộ, ngành, chính quyền cấp tỉnh hướng dẫn việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, ngăn ngừa và xử lý các vi phạm pháp luật trong mở, đóng và tổ chức hoạt động của sân bay chuyên dùng.

4. Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng và quản lý kết cấu hạ tầng, an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường; chỉ đạo kiểm tra việc tổ chức bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sân bay chuyên dùng.

5. Thực hiện trung dụng đối với sân bay chuyên dùng theo quy định của pháp luật trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.

Điều 21. Bộ Xây dựng²⁰

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức hoạt động khai thác hàng không chung; tham gia hướng dẫn bảo đảm an ninh, an toàn sân bay chuyên dùng; thực hiện quy chế phối hợp trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của sân bay chuyên dùng.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý, khai thác, mở, đóng, đóng tạm thời, mở lại sân bay chuyên dùng.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, ngăn ngừa và xử lý các hoạt động của sân bay chuyên dùng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; kinh tế, xã hội.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện trung dụng đối với sân bay chuyên dùng theo quy định pháp luật; trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thống nhất triển khai các quy định pháp luật về việc mở, đóng, mở lại các sân bay chuyên dùng; quản lý, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hoạt động của sân bay chuyên dùng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện trung dụng đối với sân bay chuyên dùng theo quy định của pháp luật trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.

²⁰ Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại tên Điều 21 Nghị định số 42/2016/NĐ-CP được thay thế bởi cụm từ “Bộ Xây dựng” theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tăng cường công tác quản lý vùng trời, quản lý bay, quản lý chặt chẽ sân bay chuyên dùng, bảo đảm trật tự, an ninh, an toàn xã hội.

Điều 23. Các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Xây dựng, quản lý, khai thác sân bay chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật về vị trí, khai thác, sử dụng sân bay chuyên dùng; chấp hành sự kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động sân bay chuyên dùng; bảo đảm các điều kiện về an ninh, an toàn hàng không, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

2. Thực hiện đúng các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng sân bay chuyên dùng không để xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích và chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, hoặc thực hiện các hành vi trái pháp luật.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về mở, đóng sân bay chuyên dùng và trung dụng các sân bay chuyên dùng theo quy định pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²¹

Điều 24. Kinh phí

Kinh phí xác định vị trí, phê duyệt thiết kế chi tiết xây dựng sân bay chuyên dùng được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

²¹ Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025, quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận độ cao công trình của tổ chức, cá nhân được gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

2. Đối với hồ sơ đề nghị mở, mở lại, đóng, đóng tạm thời sân bay chuyên dùng, mở, đóng bãi cất, hạ cánh được gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này”.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm việc quản lý, khai thác sân bay chuyên dùng hoặc không thực hiện trách nhiệm của mình quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. *VW*

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: *11* /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày *17* tháng *7* năm 2025

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đầu mối trực thuộc BQP;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPC/BTP;
- Cục Pháp chế BQP, Cục Tác chiến/BTTM;
- Công TTĐT: Chính phủ; BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.Hư118

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đại tướng Nguyễn Tân Cương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 101/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước
Mẫu số 02	Đơn đề nghị đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước
Mẫu số 03	Đơn đề nghị mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí
Mẫu số 04	Đơn đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí
Mẫu số 05	Đơn đề nghị mở bãi cất, hạ cánh trên boong tàu
Mẫu số 06	Đơn đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh trên boong tàu
Mẫu số 07	Đơn đề nghị đóng tạm thời sân bay chuyên dùng, bãi cất, hạ cánh
Mẫu số 08	Đơn đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng
Mẫu số 09	Đơn đề nghị chấp thuận độ cao công trình

Mẫu số 01²²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
MỞ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG TRÊN MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định:.....

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên sân bay đề nghị mở:

Loại hình sân bay:

Vị trí sân bay:

Điểm quy chiếu sân bay (hệ tọa độ VN2000 hoặc WGS-84):

Quy mô sân bay:.....

- Diện tích mặt đất (mặt nước):.....

- Kích thước đường cất, hạ cánh:.....

²² Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

- Sức chịu tải của đường cát, hạ cánh:

Mục đích sử dụng sân bay:

Loại tàu bay khai thác:

Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngàytháng...năm...cấp...

Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Mẫu số 02²³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐÓNG SÂN BAY CHUYÊN DÙNG TRÊN MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên sân bay đề nghị đóng:
 Vị trí sân bay.....
 Thời điểm đóng sân bay:.....
 Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng sân bay:.....
 Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng sân bay:
 Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²³ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 03²⁴

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
MỞ BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN MẶT ĐẤT, CÁC TÒA NHÀ,
CÔNG TRÌNH NHÂN TẠO, NHÀ GIÀN, GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên bãi cát, hạ cánh đề nghị mở:.....
 Loại hình bãi cát, hạ cánh:.....
 Vị trí bãi cát, hạ cánh:
 Vị trí công trình (nếu mở trên công trình nhân tạo).
 Điểm quy chiếu bãi cát, hạ cánh (hệ tọa độ VN2000 hoặc WGS-84):.....
 Diện tích mặt đất (công trình nhân tạo để mở bãi cát, hạ cánh):.....
 Sức chịu tải của bãi cát, hạ cánh:.....
 Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....
 Thời hạn sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....
 Loại tàu bay khai thác:.....
 Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:...ngày...tháng...năm...cấp....

²⁴ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....
Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngày...tháng...năm...cấp
Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

Mẫu số 04²⁵

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**ĐÓNG BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN MẶT ĐẤT, CÁC TÒA NHÀ,
 CÔNG TRÌNH NHÂN TẠO, NHÀ GIÀN, GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):.....
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên bãi cát, hạ cánh:
 Vị trí bãi cát, hạ cánh:
 Lý do đóng:
 Thời điểm đóng:.....
 Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến bãi cát, hạ cánh:.....

 Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh:
 Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
 tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²⁵ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 05²⁶

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
MỞ BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN BOONG TÀU

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:.....
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên tàu:
 Quốc tịch của tàu:
 Tính năng kỹ thuật của tàu:
 Phạm vi, khu vực hoạt động của tàu:.....
 Kích thước mặt boong tàu:.....
 Kích thước bãi cát, hạ cánh trên tàu:
 Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....
 Loại tàu bay khai thác:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngày...tháng...năm...cấp.....
 Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²⁶ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 06²⁷

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐÓNG BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN BOONG TÀU

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên tàu:
 Quốc tịch của tàu:.....
 Tên bãi cát, hạ cánh:
 Lý do đóng:
 Thời điểm đóng:
 Các kiến nghị (nếu có):

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²⁷ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 07²⁸

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐÓNG TẠM THỜI SÂN BAY CHUYÊN DỪNG, BÃI CÁT, HẠ CÁNH

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên sân bay chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh:.....
 Lý do đóng:.....
 Thời gian đóng:.....
 Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến đề nghị đóng tạm
 thời sân bay chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh:
 Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng tạm thời sân bay chuyên dùng, bãi
 cát, hạ cánh:.....
 Các kiến nghị (nếu có):

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
 điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²⁸ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 08²⁹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
MỞ LẠI SÂN BAY CHUYÊN DỪNG

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Nghị định:.....
 Tên tổ chức, cá nhân:
 Người đại diện (chủ sở hữu):
 Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....
 Nơi cấp:, ngày cấp:.....
 Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....
 Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):
 Tên sân bay:
 Vị trí sân bay:
 Lý do đóng tạm thời sân bay:.....
 Lý do mở lại:
 Quy mô sân bay sau khi mở lại:.....
 - Diện tích mặt đất (mặt nước):
 - Cấp sân bay:
 - Kích thước đường cất, hạ cánh:
 - Sức chịu tải của đường cất, hạ cánh:
 Mục đích sử dụng sân bay:
 Loại tàu bay khai thác:
 Các thông tin khác:.....
 Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

²⁹ Mẫu đơn này được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 101/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng, có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Mẫu số 09
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận độ cao công trình

Kính gửi: Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu.

Tên cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình:

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email):

Tên, tính chất, quy mô công trình:.....

Vị trí công trình:

(Địa chỉ hành chính, ranh giới khu đất, tọa độ địa lý theo hệ tọa độ VN-2000 hoặc WGS-84 “độ, phút, giây”).

Độ cao dự kiến xây dựng công trình:

Cốt đất tự nhiên khu vực xây dựng công trình hoặc so với mực nước biển trung bình:.....

Thời gian dự kiến xây dựng công trình:

(Văn bản gửi kèm:.....)

Đề nghị Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)